TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T,** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 44/2024/HNGĐ-ST Ngày: 08-8-2024 V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kiều Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Hằng Nga.

Bà Lê Thị Kim Uyên.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Văn Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án thụ lý số 190/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2024 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Phạm Văn T**, sinh năm 1982;
Địa chỉ: E Ấp D, xã V, huyện C, tỉnh Long An.

- *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị Thùy L**, sinh năm 1983;
Địa chỉ: C L, Khu phố B, Phường D, thành phố T, tỉnh Long An.

(Ông T có đơn xin vắng mặt, bà L có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2024 và các lời trình bày của ông Phạm Văn T có nội dung:

Năm 2009, ông T quen biết và kết hôn với bà Nguyễn Thị Thùy L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Long An. Ông và bà L chung sống

hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng mâu thuẫn về tình cảm, quan điểm, lối sống nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện bà L đã bỏ về nhà mẹ ruột ở Phường D, thành phố T, tỉnh Long An từ năm 2017 cho đến nay không còn chung sống. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà L.

Về con chung: ông và bà L có 02 con chung tên Phạm Nguyễn Quỳnh T1 sinh ngày 18/10/2009 và Phạm Nguyễn Quỳnh T2 sinh ngày 04/01/2011. Khi ly hôn, ông T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu bà L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 05/7/2024, ông T có văn bản đề nghị Tòa án xem xét cho bà được vắng mặt trong quá trình tố tụng tại Tòa án.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị Thùy L trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông T về thời gian kết hôn, sau khi kết hôn thì bà về nhà chồng ở Vĩnh công, huyện C, tỉnh Long An chung sống với mẹ chồng. Trong quá trình chung sống với mẹ chồng phát sinh mâu thuẫn nên bà mới trở về nhà mẹ ruột từ năm 2017 cho đến nay nhưng bà vẫn qua lại, chung sống với ông T chứ không bỏ đi hẳn. Nay ông T đề nghị ly hôn bà không đồng ý, bà muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông T vì bà vẫn còn thương chồng.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ có đủ cơ sở nhận định quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà L đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T.

Về con chung: ông T và bà L có 02 con chung, ông T đề nghị được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung, xét đây là yêu cầu của đương sự nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Do ông T và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ông Phạm Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Thùy L có địa chỉ cư trú tại thành phố T nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a

khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

[2] Về việc xét xử vắng mặt Nguyên đơn là ông Phạm Văn T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với các đương sự. Ông T vì lý do bận công việc nên đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Thùy L tự tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại xã V, huyện C, tỉnh Long An năm 2009 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của ông T thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bà L bất đồng quan điểm với gia đình chồng nên bỏ về nhà mẹ ruột ở từ năm 2017 cho đến nay.

Bà L thừa nhận việc bà có mâu thuẫn với gia đình chồng là có thật, đặc biệt là mâu thuẫn với mẹ chồng nên bà đã bỏ về nhà mẹ ruột sống được 07 năm. Nhưng bà vào ông T vẫn còn qua lại, quan hệ vợ chồng vẫn còn mặn nồng nên không muốn ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy, vợ chồng ông T và bà L không sống chung với nhau đã lâu, nhưng các bên không đưa ra được biện pháp để hàn gắn gia đình, để vợ chồng đoàn tụ, sum họp. Như vậy, chứng tỏ rằng trong cuộc sống vợ chồng giữa ông T và bà L đã có những mâu thuẫn không giải quyết được. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của ông T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: bà L và ông T có 02 con chung tên Phạm Nguyễn Quỳnh T1 sinh ngày 18/10/2009 và Phạm Nguyễn Quỳnh T2 sinh ngày 04/01/2011. Khi ly hôn, ông T có nguyện vọng nuôi 02 con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy: bà L bỏ đi từ năm 2017 cho đến nay nên việc nuôi dạy 02 con chung đều do ông T thực hiện. Xét thấy, 02 con chung hiện đang phát triển ổn định, lại có nguyện vọng chung sống với cha là ông T nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của ông T, giao 02 con chung cho ông T nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông T không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung, bà L cũng không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Bà L được quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì quyền lợi con chung bà L, ông T có quyền xin thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[7] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: ông T, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Hội đồng xét xử xét thấy, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án trên là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Phạm Văn T, cho ông Phạm Văn T ly hôn với bà Nguyễn Thị Thùy L.

2. Về con chung: Giao hai (02) con chung tên Phạm Nguyễn Quỳnh T1 sinh ngày 18/10/2009 và Phạm Nguyễn Quỳnh T2 sinh ngày 04/01/2011 cho ông Phạm Văn T nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị Thùy L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị Thùy L có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì quyền lợi con chung, ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị Thùy L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Chuyển số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0001696 ngày 21/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An thành án phí dân sự sơ thẩm, bà T đã nộp đủ.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. Tân An;
- Chi cục THA tp. Tân An;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Kiều Trinh